

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT

(Kèm theo Thông báo số 74/TB-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025, của UBND xã Lợi Bắc)

STT	Theo mảnh trích đo						Theo bản đồ địa chính			
	Mảnh trích đo	Tờ bản đồ (cũ)	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất	Tờ bản đồ (cũ)	Tờ bản đồ	Số Thửa	Diện tích thu hồi (m2)
					8.873,4					8.873,4
1	01-2019	LN 01	305	35	658,0	ONT	LN 01	541	2	236,0
		1					1	305	10	130,0
		1					1	305	1	178,0
		1					1	305	6	114,0
2	01-2019	LN 01	305	32	2.624,0	BHK	LN 01	541	2	2.581,2
							LN 02 Tú Đoạn		119	42,8
3	01-2019	1	305	36	100,0	BHK	1	305	1	100,0
4	01-2019	1	305	517	197,0	BHK	1	305	1	78,6
		LN 01					LN 01	541	2	56,7
		1					1	305	6	61,7
5	01-2019	LN 01	305	400	723,0	BHK	LN 01	541	2	321,2
		LN 01					LN 02 Tú Đoạn		119	353,7
		1					1	305	1	7,9
		1					1	305	6	40,2
6	01-2019	LN 01	305	501	637,0	BHK	LN 02 Tú Đoạn		119	477,0
		1					LN 01	541	2	27,9
		1					1	305	1	82,2
		1					1	305	6	49,9
7	01-2019	1	305	54-1	1.020,6	HNK	1	305	1	130,5
		1				HNK	1	305	10	142,0
		1				HNK	1	305	6	748,1
8	01-2019	1	305	40	2.177,0	BHK	1	305	1	1572,1
		1					1	305	10	569,0
		LN 01					LN 01	541	2	5,0
		1					1	305	6	30,9
9	01-2019	LN 01	305	34	162,0	BHK	LN 01	541	2	69,3
		LN 01					LN 01	541	34	58,9
		1					1	305	6	33,8
10	01-2019	LN 01	305	515-2	574,8	CLN	LN 01	541	2	511,9
		LN 01					LN 01	541	34	18,0
		LN 02 Tú Đoạn					LN 02 Tú Đoạn		119	44,9

Mã hiệu thửa đất
RSX
LNK
BHK
DGT
RSX
RSX
BHK
BHK
RSX
DGT
RSX
RSX
BHK
DGT
RSX
RSX
BHK
DGT
BHK
LNK
DGT
BHK
LNK
RSX
DGT
RSX
LUA
DGT
RSX
LUA
RSX